

Số: 102 /TB-BVPS

Cần Thơ, ngày 17 tháng 01 năm 2023

THÔNG BÁO
Kết quả trúng tuyển viên chức năm 2022

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

Căn cứ Kế hoạch số 2613/KH-BVPS ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ về việc tuyển dụng viên chức năm 2022.

Căn cứ Quyết định số 55/QĐ-BVPS ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ về việc thống nhất kết quả tuyển dụng và công nhận kết quả trúng tuyển viên chức năm 2022 của Bệnh viện Phụ sản.

Hội đồng tuyển dụng viên chức năm 2022 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ thông báo:

1. Công nhận 39 thí sinh trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng viên chức năm 2022 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ (Đính kèm Danh sách kết quả trúng tuyển viên chức năm 2022).

2. Thí sinh trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, gồm có:

a) Bản sao Bằng tốt nghiệp trung học phổ thông (Cấp 3) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

b) Bản sao bằng cấp chuyên môn dự tuyển và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

c) Bản sao chứng chỉ Ngoại ngữ được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

d) Bản sao chứng chỉ Tin học được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

e) Có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ của từng ngạch vị trí việc làm và tương đương hoặc chứng chỉ hành nghề (đối với vị trí việc làm chuyên ngành y tế: Bác sĩ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dược).

f) Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định hiện hành.

g) Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực.

h) Bản sao CMND/CCCD, hộ khẩu, giấy khai sinh được cơ quan có thẩm quyền chứng thực.

i) Quyết định chấm dứt HĐLĐ của các đơn vị cũ (nếu có).

j) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp (Mẫu số 02).



Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo kết quả trúng tuyển viên chức này, người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ sẽ ra Quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

* **Lưu ý:** Trường hợp có văn bằng do cơ sở đào tạo cấp có tiếng nước ngoài phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt. Người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu vị trí việc làm dự tuyển thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Bệnh viện Phụ sản niêm yết Danh sách kết quả trúng tuyển dán tại Bảng công khai dân chủ nội bộ Bệnh viện (tầng 2) và đăng trên trang Website Bệnh viện (<http://bvphusanct.com.vn>). Trường hợp cần biết thêm chi tiết, đề nghị liên hệ phòng Tổ chức cán bộ trong giờ hành chính.

Trên đây là Thông báo kết quả trúng tuyển viên chức năm 2022 và Hướng dẫn người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng thông báo đến các thí sinh trúng tuyển được biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc;
- Các thí sinh trúng tuyển;
- Lưu: VT, HĐTD, TCCB.

**TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CHỦ TỊCH**



**Phó Giám đốc
Nguyễn Thụy Thúy Ái**

DANH SÁCH KẾT QUẢ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 55/QĐ-BVPS ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Thơ)

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
I	CỬ NHÂN HỘ SINH/CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG PHỤ SẢN/CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG HỘ SINH										
1	1	Ngô Thị Ngọc Anh		1995	CNDD Hộ sinh	Vĩnh Long	01		46.20	46.20	Điểm liệt
2	2	Phan Thị Duyên Anh		1983	CNDD Hộ sinh	Hậu Giang	02		51.20	51.20	
3	3	Nguyễn Thị Ngọc Hân		1992	CNDD Hộ sinh	Hậu Giang	03		53.20	53.20	
4	4	Trần Thị Kim Khoa		1996	CNDD Hộ sinh	Cần Thơ	04		51.80	51.80	
5	5	Võ Thị Liễu		1994	CNDD Hộ sinh	Quảng Bình	05		52.80	52.80	
6	6	Nguyễn Thị Ly		1993	CNDD Hộ sinh	Nghệ An	06		60.00	60.00	
7	7	Nguyễn Phượng Ni		1996	CNDD Hộ sinh	Cà Mau	07		27.80	27.80	Điểm liệt
8	8	Huỳnh Thị Tuyết Phượng		1994	CNDD Hộ sinh	Cần Thơ	08		71.40	71.40	
9	9	Huỳnh Thị Thùy Trang		1993	CNDD Hộ sinh	Vĩnh Long	09		81.80	81.80	
10	10	Dương Thị Tuyết Trinh		1982	CNDD Phụ sản	Hậu Giang	10		20.40	20.40	Điểm liệt
11	11	Trương Thị Trinh		1995	CNDD Hộ sinh	Kiên Giang	11		52.80	52.80	
12	12	Bùi Như Ý		1988	CNDD Hộ sinh	Hậu Giang	12		30.40	30.40	Điểm liệt
13	13	Nguyễn Thị Kim Yến		1994	CNDD Hộ sinh	Cần Thơ	13		50.40	50.40	
II	CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA										
14	1	Trần Ram Bi	1994		Cử nhân Điều dưỡng	An Giang	14		52.40	52.40	
15	2	Huỳnh Thúy Diễm		1992	Cử nhân Điều dưỡng	Quảng Ngãi	15		30.20	30.20	Điểm liệt
16	3	Đàm Minh Huệ		1993	Cử nhân Điều dưỡng	Đắk Lắk	16		69.20	69.20	
17	4	Lê Thị Cẩm Hường		1992	Cử nhân Điều dưỡng	Vĩnh Long	17		37.80	37.80	Điểm liệt
18	5	Lâm Chí Linh	1993		Cử nhân Điều dưỡng	Sóc Trăng	18		14.20	14.20	Điểm liệt

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
19	6	Lâm Thị Diệu Linh		1995	Cử nhân Điều dưỡng	Vĩnh Long	19		24.60	24.60	Điểm liệt
20	7	Nguyễn Thị Phương Loan		1984	Cử nhân Điều dưỡng	Cần Thơ	20		64.20	64.20	
21	8	Lê Quang Minh	1992		Cử nhân Điều dưỡng	Quảng Bình	21		71.60	71.60	
22	9	Lê Như Ngọc		1992	Cử nhân Điều dưỡng	Sóc Trăng	22		74.60	74.60	
23	10	Trần Ngô Như Ngọc		1999	Cử nhân Điều dưỡng	Sóc Trăng	23		65.80	65.80	
24	11	Lê Thị Bé Nhí		1994	Cử nhân Điều dưỡng	Hậu Giang	24		42.60	42.60	Điểm liệt
25	12	Phạm Duy Pha	1994		Cử nhân Điều dưỡng	Vĩnh Long	25		51.60	51.60	
26	13	Trần Minh Thư		1999	Cử nhân Điều dưỡng	Cà Mau	26		51.60	51.60	
27	14	Nguyễn Nhứt Tường		1992	Cử nhân Điều dưỡng	Cần Thơ	27		38.00	38.00	Điểm liệt
28	15	Phạm Thanh Vũ	1998		Cử nhân Điều dưỡng	Bạc Liêu	28		13.40	13.40	Điểm liệt
III CỬ NHÂN XÉT NGHIỆM Y HỌC/CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC											
29	1	Tô Huỳnh Anh		1999	CN Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Cần Thơ	29		73.00	73.00	
30	2	Dương Ngọc Bảo Duyên		1995	CN Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	An Giang	30		36.00	36.00	Điểm liệt
31	3	Đặng Trung Huân	1994		CN Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Cần Thơ	31		62.60	62.60	
32	4	Nguyễn Thị Ngân Linh		1992	CN Xét nghiệm Y học	An Giang	32		30.80	30.80	Điểm liệt
33	5	Nguyễn Như Ý		1988	CN Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Cà Mau	33		49.40	49.40	Điểm liệt
34	6	Phạm Ngọc Yến		1994	CN Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Cần Thơ	34		39.60	39.60	Điểm liệt
IV DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC											
35	1	Võ Đoàn Quế Đan		1999	Dược sĩ ĐH	Vĩnh Long	35		58.80	58.80	
36	2	Nguyễn Thị Trúc Đào		1995	Dược sĩ ĐH	Cà Mau	36		12.60	12.60	Điểm liệt
37	3	Đặng Nguyễn Phước Đoàn	1995		Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	37		36.20	36.20	Điểm liệt

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
38	4	Nguyễn Ngọc Hân		1998	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	38		23.80	23.80	Điểm liệt
39	5	Nguyễn Thị Hữu Hiếu		1994	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	39		37.20	37.20	Điểm liệt
40	6	Lương Minh Hiếu	1992		Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	40	Hoàn thành nghĩa vụ quân sự (+2.5)	57.00	59.50	
41	7	Lương Ngọc Khánh		1994	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	41		27.40	27.40	Điểm liệt
42	8	Nguyễn Giang Phúc Khánh	1997		Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	42		33.40	33.40	Điểm liệt
43	9	Trần Chí Kim		1988	Dược sĩ ĐH	Hậu Giang	43		57.40	57.40	
44	10	Nguyễn Thị Phương Lan		1994	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	44		73.00	73.00	
45	11	Vũ Khánh Linh		1993	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	45		48.60	48.60	Điểm liệt
46	12	Huỳnh My		1998	Dược sĩ ĐH	Kiên Giang	46		52.20	52.20	
47	13	Lê Thị Kim Ngân		1993	Dược sĩ ĐH	Đồng Tháp	47		57.00	57.00	
48	14	Nguyễn Lê Bảo Ngọc		1997	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	48		74.60	74.60	
49	15	Huỳnh Duy Ngữ	1993		Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	49		41.00	41.00	Điểm liệt
50	16	Trang Chánh Nguyên	1997		Dược sĩ ĐH	Sóc Trăng	50	Dân tộc Hoa (+5)	62.80	67.80	
51	17	Nguyễn Như Nguyễn		1992	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	51		48.00	48.00	Điểm liệt
52	18	Nguyễn Thị Phương Ni		1993	Dược sĩ ĐH	Vĩnh Long	52		16.20	16.20	Điểm liệt
53	19	Võ Lê Mai Phương		1990	Dược sĩ ĐH	Cà Mau	53		67.60	67.60	
54	20	Trần Thị Kiều Phuy		1998	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	54		36.40	36.40	Điểm liệt
55	21	Huỳnh Lê Phương Quyên		1998	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	55		18.60	18.60	Điểm liệt
56	22	Nguyễn Huỳnh Duy Tân	1995		Dược sĩ ĐH	Kiên Giang	56		68.20	68.20	
57	23	Huỳnh Thị Minh Thúy		1994	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	57		20.80	20.80	Điểm liệt
58	24	Lê Hoàng Cẩm Tiên		1999	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	58		10.00	10.00	Điểm liệt
59	25	Nguyễn Thị Thanh Trà		1988	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	59		65.00	65.00	

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
60	26	Nguyễn Trọng Tường	1997		Dược sĩ ĐH	Đồng Tháp	60		92.80	92.80	
61	27	Võ Phi Vũ	1989		Dược sĩ ĐH	Kiên Giang	61		47.40	47.40	Điểm liệt
V THẠC SĨ-BÁC SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA											
62	1	Lê Minh Triết	1991		Thạc sĩ-Bác sĩ Sản phụ khoa	Cần Thơ	62		77.20	77.20	
VI THẠC SĨ-BÁC SĨ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA											
63	1	Nguyễn Trung Hậu	1994		Thạc sĩ-Bác sĩ Nhi khoa	Hậu Giang	63		80.20	80.20	
64	2	Hoàng Khắc Thường	1994		Thạc sĩ-Bác sĩ Nhi khoa	Hậu Giang	64		83.20	83.20	
65	3	Nguyễn Thị Tuyết Trinh		1991	Thạc sĩ-Bác sĩ Nhi khoa	Kiên Giang	65		61.40	61.40	
VII BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC											
66	1	Hoàng Đức Anh	1987		Bác sĩ CKI Hồi sức cấp cứu-CD	Nam Định	66		72.80	72.80	
VIII BÁC SĨ ĐA KHOA											
67	1	Huỳnh Vĩnh An	1990		Bác sĩ đa khoa	Cần Thơ	67	Dân tộc Hoa (+5)	67.60	72.60	
68	2	Nguyễn Thanh Bình	1996		Bác sĩ đa khoa	Vĩnh Long	68		53.20	53.20	
69	3	Dư Kim Châu		1997	Bác sĩ đa khoa	An Giang	69		57.60	57.60	
70	4	Nguyễn Lê Hoàng Dung		1998	Bác sĩ đa khoa	Sóc Trăng	70		56.00	56.00	
71	5	Nguyễn Gia Hân		1998	Bác sĩ đa khoa	Tiền Giang	71		54.00	54.00	
72	6	Lê Quang Hiếu	1990		Bác sĩ đa khoa	Tiền Giang	72		47.00	47.00	Điểm liệt
73	7	Trịnh Quốc Khánh	1998		Bác sĩ đa khoa	Bạc Liêu	73		Không nhận số báo danh		
74	8	Trần Trọng Kim	1994		Bác sĩ đa khoa	Cà Mau	74		91.60	91.60	
75	9	Lê Chí Lợi	1996		Bác sĩ đa khoa	Tây Ninh	75		62.20	62.20	
76	10	Nguyễn Trọng Nhân	1997		Bác sĩ đa khoa	Cần Thơ	76		81.20	81.20	
77	11	Nguyễn Thiên Nhi		1997	Bác sĩ đa khoa	Tiền Giang	77		65.40	65.40	
78	12	Huỳnh Nguyễn Đình Như		1997	Bác sĩ đa khoa	Bạc Liêu	78		38.60	38.60	Điểm liệt

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN		Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ								
79	13	Nguyễn Hồng Nhung		1997	Bác sĩ đa khoa	Cà Mau	79		VẮNG			
80	14	Phan Thanh Phụng	1997		Bác sĩ đa khoa	Hậu Giang	80		70.60	70.60		
81	15	Lê Thị Diễm Phương		1997	Bác sĩ đa khoa	Trà Vinh	81		76.00	76.00		
82	16	Nguyễn Thanh Tâm	1993		Bác sĩ đa khoa	Kiên Giang	82		44.40	44.40		Điểm liệt
83	17	Phạm Thị Loan Thảo		1997	Bác sĩ đa khoa	Hậu Giang	83		62.40	62.40		
84	18	Phạm Minh Tiến	1992		Bác sĩ đa khoa	Vĩnh Long	84		69.20	69.20		
85	19	Ngô Phạm Quế Trân		1998	Bác sĩ đa khoa	Đồng Tháp	85		74.40	74.40		
86	20	Nguyễn Thị Hoàng Trinh		1998	Bác sĩ đa khoa	Long An	86		85.80	85.80		
87	21	Trần Thị Mộng Tuyền		1997	Bác sĩ đa khoa	Long An	87		VẮNG			
88	22	Trần Tiểu Vy		1997	Bác sĩ đa khoa	Hậu Giang	88	Dân tộc Hoa (+5)	57.60	62.60		
89	23	Lê Thị Bảo Yến		1996	Bác sĩ đa khoa	An Giang	89		0.00	0.00		Vắng
IX	CỬ NHÂN THÔNG TIN HỌC											
90	1	Nguyễn Thị Thanh Uyên		1998	Cử nhân thông tin học	Cần Thơ	90		91.00	91.00		
X	KỸ SƯ KỸ THUẬT PHẦN MỀM											
91	1	Nguyễn Minh Mẫn	1999		Kỹ sư Kỹ thuật phần mềm	Đồng Tháp	91		76.60	76.60		
XI	KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN											
92	1	Dương Bửu Đường	1989		Kỹ sư Công nghệ thông tin	Vĩnh Long	92		41.40	41.40		Điểm liệt
XII	CỬ NHÂN TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG											
93	1	Nguyễn Thế Anh		1999	CN Tài chính- Ngân hàng	Cần Thơ	93		74.20	74.20		
94	2	Đường Tuyết Hạnh		1989	CN Tài chính- Ngân hàng	Bạc Liêu	94	Dân tộc Hoa (+5)	82.00	87.00		
95	3	Phạm Thị Ngọc Huyền		1992	CN Tài chính- Ngân hàng	Cần Thơ	95		57.20	57.20		
96	4	Lý Ái Ngân		1998	CN Tài chính- Ngân hàng	Cần Thơ	96		VẮNG			
97	5	Trần Thủy Trúc		1992	CN Tài chính- Ngân hàng	Cần Thơ	97		48.20	48.20		Điểm liệt

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
98	6	Nguyễn Thị Phương Uyên		1989	CN Tài chính-Ngân hàng	Hậu Giang	98		VẮNG		
99	7	Lê Nguyễn Thảo Vy		1997	CN Tài chính-Ngân hàng	Cần Thơ	99		60.20	60.20	
100	8	Lê Trần Trúc Vy		1986	CN Tài chính-Ngân hàng	Cần Thơ	100		54.60	54.60	
Tổng cộng: 100											

Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2023

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hữu Dự

6

DANH SÁCH KẾT QUẢ TRÚNG TUYỂN VIÊN CHỨC NĂM 2022

(Đính kèm Quyết định số 55/QĐ-BVPS ngày 16 tháng 01 năm 2023 của Bệnh viện Phụ sản TP. Cần Thơ)

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
I	CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG HỘ SINH										
1	1	Huỳnh Thị Thùy Trang		1993	CNDD Hộ sinh	Vĩnh Long	09		81.80	81.80	
2	2	Huỳnh Thị Tuyết Phượng		1994	CNDD Hộ sinh	Cần Thơ	08		71.40	71.40	
3	3	Nguyễn Thị Ly		1993	CNDD Hộ sinh	Nghệ An	06		60.00	60.00	
4	4	Nguyễn Thị Ngọc Hân		1992	CNDD Hộ sinh	Hậu Giang	03		53.20	53.20	
5	5	Võ Thị Liễu		1994	CNDD Hộ sinh	Quảng Bình	05		52.80	52.80	
6	6	Trương Thị Trinh		1995	CNDD Hộ sinh	Kiên Giang	11		52.80	52.80	
7	7	Trần Thị Kim Khoa		1996	CNDD Hộ sinh	Cần Thơ	04		51.80	51.80	
8	8	Phan Thị Duyên Anh		1983	CNDD Hộ sinh	Hậu Giang	02		51.20	51.20	
9	9	Nguyễn Thị Kim Yến		1994	CNDD Hộ sinh	Cần Thơ	13		50.40	50.40	
II	CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG ĐA KHOA										
10	1	Lê Như Ngọc		1992	Cử nhân Điều dưỡng	Sóc Trăng	22		74.60	74.60	
11	2	Lê Quang Minh	1992		Cử nhân Điều dưỡng	Quảng Bình	21		71.60	71.60	
12	3	Đàm Minh Huệ		1993	Cử nhân Điều dưỡng	Đắk Lắk	16		69.20	69.20	
13	4	Trần Ngô Như Ngọc		1999	Cử nhân Điều dưỡng	Sóc Trăng	23		65.80	65.80	
14	5	Nguyễn Thị Phương Loan		1984	Cử nhân Điều dưỡng	Cần Thơ	20		64.20	64.20	
15	6	Trần Ram Bi	1994		Cử nhân Điều dưỡng	An Giang	14		52.40	52.40	
16	7	Phạm Duy Pha	1994		Cử nhân Điều dưỡng	Vĩnh Long	25		51.60	51.60	
17	8	Trần Minh Thư		1999	Cử nhân Điều dưỡng	Cà Mau	26		51.60	51.60	

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
III CỬ NHÂN KỸ THUẬT XÉT NGHIỆM Y HỌC											
18	1	Tô Huỳnh Anh		1999	CN Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Cần Thơ	29		73.00	73.00	
IV DƯỢC SĨ ĐẠI HỌC											
19	1	Nguyễn Trọng Tường	1997		Dược sĩ ĐH	Đồng Tháp	60		92.80	92.80	
20	2	Nguyễn Lê Bảo Ngọc		1997	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	48		74.60	74.60	
21	3	Nguyễn Thị Phương Lan		1994	Dược sĩ ĐH	Cần Thơ	44		73.00	73.00	
22	4	Nguyễn Huỳnh Duy Tân	1995		Dược sĩ ĐH	Kiên Giang	56		68.20	68.20	
V THẠC SĨ-BÁC SĨ CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA											
23	1	Lê Minh Triết	1991		Thạc sĩ-Bác sĩ Sản phụ khoa	Cần Thơ	62		77.20	77.20	
VI THẠC SĨ-BÁC SĨ CHUYÊN NGÀNH NHI KHOA											
24	1	Hoàng Khắc Thường	1994		Thạc sĩ-Bác sĩ Nhi khoa	Hậu Giang	64		83.20	83.20	
25	2	Nguyễn Trung Hậu	1994		Thạc sĩ-Bác sĩ Nhi khoa	Hậu Giang	63		80.20	80.20	
VII BÁC SĨ CHUYÊN KHOA CẤP I CHUYÊN NGÀNH HỒI SỨC CẤP CỨU - CHỐNG ĐỘC											
26	1	Hoàng Đức Anh	1987		Bác sĩ CKI Hồi sức cấp cứu-CD	Nam Định	66		72.80	72.80	
VIII BÁC SĨ ĐA KHOA											
27	1	Trần Trọng Kim	1994		Bác sĩ đa khoa	Cà Mau	74		91.60	91.60	
28	2	Nguyễn Thị Hoàng Trinh		1998	Bác sĩ đa khoa	Long An	86		85.80	85.80	
29	3	Nguyễn Trọng Nhân	1997		Bác sĩ đa khoa	Cần Thơ	76		81.20	81.20	
30	4	Lê Thị Diễm Phương		1997	Bác sĩ đa khoa	Trà Vinh	81		76.00	76.00	
31	5	Ngô Phạm Quế Trân		1998	Bác sĩ đa khoa	Đồng Tháp	85		74.40	74.40	
32	6	Huỳnh Vĩnh An	1990		Bác sĩ đa khoa	Cần Thơ	67	Dân tộc Hoa (+5)	67.60	72.60	
33	7	Phan Thanh Phụng	1997		Bác sĩ đa khoa	Hậu Giang	80		70.60	70.60	

TT	TT	Họ và Tên	Năm sinh		Trình độ chuyên môn	Nơi sinh (Tỉnh)	Số báo danh	Điểm ưu tiên	ĐIỂM PHÒNG VẤN	Tổng điểm (Điểm ưu tiên + điểm phỏng vấn)	Ghi chú
			Nam	Nữ							
34	8	Phạm Minh Tiến	1992		Bác sĩ đa khoa	Vĩnh Long	84		69.20	69.20	
IX CỬ NHÂN THÔNG TIN HỌC											
35	1	Nguyễn Thị Thanh Uyên		1998	Cử nhân thông tin học	Cần Thơ	90		91.00	91.00	
X KỸ SƯ KỸ THUẬT PHẦN MỀM											
36	1	Nguyễn Minh Mẫn	1999		Kỹ sư Kỹ thuật phần mềm	Đồng Tháp	91		76.60	76.60	
XI CỬ NHÂN TÀI CHÍNH-NGÂN HÀNG											
37	1	Đường Tuyết Hạnh		1989	CN Tài chính- Ngân hàng	Bạc Liêu	94	Dân tộc Hoa (+5)	82.00	87.00	
38	2	Nguyễn Thế Anh		1999	CN Tài chính- Ngân hàng	Cần Thơ	93		74.20	74.20	
39	3	Lê Nguyễn Thảo Vy		1997	CN Tài chính- Ngân hàng	Cần Thơ	99		60.20	60.20	
Tổng cộng: 39											

Cần Thơ, ngày 16 tháng 01 năm 2023



Nguyễn Hữu Dự